

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 01- 4 - 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Phẫu

Bà Nguyễn Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-DS ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Tiến D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1978.

Nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Hiện tạm trú tại: Ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi làm việc: Trường mầm non Ánh Dương 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và bản tự khai ngày 10/11/2020 anh Phạm Tiến D trình bày: Tôi (Phạm Tiến D) và chị Nguyễn Thị M tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở do hai bên hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc, đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà riêng của anh D tại thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh

Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M thường xuyên vào mạng và quen biết một số đối tượng không tốt rồi có mối quan hệ với nhau. Đến tháng 6 năm 2018 chị M bỏ đi theo người khác rồi quay về làm đơn xin ly hôn nhưng vì con cái nên vợ chồng quay trở về sống với nhau được một thời gian thì chị M có nói với anh D là có nợ tiền của một số cá nhân nên anh D đồng ý cho chị M lấy giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất của vợ chồng để thế chấp vay vốn Ngân hàng để trả nợ. Sau khi vay được tiền chị M cầm tiền rồi đi theo người đàn ông khác vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện chị M đang tạm trú và làm việc tại Trường mầm non Ánh Dương 1, Ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hai bên bỏ mặc không ai quan tâm đến nhau nữa. Anh D thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên xin ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung của vợ chồng: Anh Phạm Tiến D khai vợ chồng có hai đứa con chung tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày: 27/9/2002 và Phạm Khánh C, sinh ngày 19/6/2011. Hiện các con đang sống cùng với anh D, sau khi ly hôn anh D có nguyện vọng xin được nuôi cả hai đứa con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng : Anh Phạm Tiến D khai vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh Phạm Tiến D đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0007966 ngày 14/10/2020 nay xin chịu toàn bộ.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của anh Phạm Tiến D tiến hành triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đến tại trụ sở Tòa án huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giải quyết nhưng chỉ có mặt anh D còn chị M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai nơi chị Nguyễn Thị M đang tạm trú nhưng không có kết quả. Ngày 05/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa nhận được bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị M gửi về bằng đường bưu điện chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Tiến D kết hôn từ năm 2001 đến nay đã 18 năm, quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không thể khắc phục được hiện tại vợ chồng sống ly thân đã lâu, nay anh Phạm Tiến D làm đơn xin ly hôn chị M hoàn toàn đồng ý. Con chung của vợ chồng có hai đứa tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày 27/9/2002 và Phạm Khánh

C, sinh ngày: 19/6/2011 nguyện vọng của chị M sau khi ly hôn xin được nuôi con Phạm Tuấn A. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện công việc và dịch bệnh, đường xa đi lại khó khăn nên chị M làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu tại phiên tòa đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết anh Phạm Tiến D đều có mặt còn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Tiến D có mặt còn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử anh Phạm Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị M. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con Phạm Khánh C, sinh ngày: 19/6/2011 cho anh Phạm Tiến D chăm sóc và nuôi dưỡng. Con Phạm Tuấn A sinh ngày 27/9/2002 đã trên 18 tuổi nên vợ chồng phải có trách nhiệm chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng đề nghị áp dụng các Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tài sản chung và công nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Tiến D đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa nay phải chịu toàn bộ, án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Tiến D xin ly hôn chị Nguyễn Thị M đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Quá trình giải quyết anh Phạm Tiến D có mặt còn chị Nguyễn Thị M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị Nguyễn Thị M có bản tự khai và làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng gửi qua đường bưu điện (có xác nhận nơi chị M đang làm việc). Hội đồng xét xử xét thấy đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị M đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến D và chị Nguyễn Thị M tìm hiểu để đi đến kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, nhưng do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi làm ăn vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân không đạt được nên anh Phạm Tiến D làm đơn xin ly hôn và chị Nguyễn Thị M cũng hoàn toàn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cả hai bên là hoàn toàn phù hợp, nhưng do chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự tự nguyện thỏa thuận xin được ly hôn mà cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xét xử anh Phạm Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung của vợ chồng: Anh Phạm Tiến D và chị Nguyễn Thị M đều thừa nhận vợ chồng có hai đứa con chung tên là Phạm Tuấn A, sinh ngày: 27/9/2002 và Phạm Khánh C, sinh ngày: 19/6/2011 hiện đang sống cùng anh D. Anh D có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, chị Nguyễn Thị M có nguyện vọng xin được nuôi con Phạm Tuấn A. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng nhưng hiện con Phạm Tuấn A hiện nay đã trên 18 tuổi nên nghĩa vụ nuôi dưỡng không đặt ra mà vợ chồng phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chung. Con Phạm Khánh C quá trình vợ chồng ly thân con ở cùng với anh D, anh D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và con Phạm Khánh C cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với bố để tiếp tục học tập. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh D và con Phạm Khánh C là phù hợp. Vì vậy cần áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con Phạm Khánh C, sinh ngày 19/6/2011 cho anh Phạm Tiến D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con khôn lớn, trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Tiến D không yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng. Hội đồng xét xử thấy người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp một khoản tiền để hỗ trợ cho người trực tiếp nuôi con thể hiện trách nhiệm của cha mẹ sau khi ly hôn. Vì vậy cần áp dụng các Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình để buộc chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con Phạm Khánh C hàng tháng mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm đồng) cho đến lúc con đủ 18 tuổi. Thời gian tính từ tháng 4/2021.

Anh Phạm Tiến D không được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung đôi với chị Nguyễn Thị M, trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con chị M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con .

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh Phạm Tiến D và chị Nguyễn Thị M thừa nhận vợ chồng không tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tiến D đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0007966 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa nay phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Tiến D đối với chị Nguyễn Thị M.

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Anh Phạm Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung của vợ chồng: Áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình: Giao con Phạm Khánh C, sinh ngày 19/6/2011 cho anh Phạm Tiến D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con khôn lớn trưởng thành. Con Phạm Tuấn A, sinh ngày: 27/9/2002 đã đủ 18 tuổi nên vợ chồng phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chung đối với con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Áp dụng các Điều 107, Điều 110 và Điều 116 luật hôn nhân và gia đình buộc chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con Phạm Khánh C mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến lúc con đủ 18 tuổi. Thời gian tính từ tháng 4/2021.

Anh Phạm Tiến D không được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung đối với chị Nguyễn Thị M, trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con chị M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

4. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh Phạm Tiến D và chị Nguyễn Thị M thừa nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn: Anh Phạm Tiến D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền mà anh Phạm Tiến D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0007966 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Anh Phạm Tiến D đã nộp đủ khoản án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm (01/4/2021) bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu Hồ sơ - Án văn.

ĐÃ KÝ

Trần Thanh Dân